TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 11/9/2023
V/v:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà H Jen Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-DS ngày 01/6/2023. Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1965. Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh ĐắkLắk. Địa chỉ tạm trú: Thôn 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Minh H1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số nhà 64 đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông H1 có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Minh H1 trình bày:

Bà H có quen biết với bà Y do trước đây làm cùng đơn vị và đã từng cho bà Y vay tiền nhiều lần. Các khoản vay trước ngày 06/01/2020, bà Y chưa trả hết nhưng không yêu cầu. Ngày 06/01/2020, bà Y vay bà H số tiền 25.000.000đồng, thời hạn vay đến tháng 5/2021, lãi suất bà Y tự đề xuất là 3.000đồng/ngày/triệu.

Ngày 01/4/2021, bà Y tiếp tục vay bà H số tiền 300.000.000đồng, lãi suất trong hạn bà Y tự đề xuất trên tổng số tiền vay là 7.000.000đồng/tháng. Ngày 12/11/2021, bà Y mới xác nhận khoản vay này nên bà Y đã tự viết thời gian tính lãi kể từ ngày 01/4/2021, bà Y cam kết trả góp mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến ngày 01/4/2022 phải trả hết nợ gốc và nợ lãi.

Quá hạn trả nợ cho đến nay bà Y không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà H. Bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà Yến hứa hẹn nhưng không chịu trả. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y có nghĩa vụ trả tiền, cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc 25.000.000đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020 và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày khởi kiện là 40 tháng theo mức lãi suất 1,66%/tháng (đơn khởi kiện viết nhầm 1,67%/năm) = (25.000.000đồng x 1,66%) x 40 tháng = 16.600.000đồng.

- Tiền nợ gốc 300.000.000đồng theo giấy vay ngày 01/4/2021 và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/4/2021 đến đến ngày khởi kiện là 25tháng mức lãi suất 1,66%/tháng (đơn khởi kiện viết nhầm 1,67%/năm) = (300.000.000đồng x 1,66%) x 25 tháng = 124.500.000đồng.

Tổng cộng số tiền bà H yêu cầu bà Y phải trả 466.100.000đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Đối với giấy vay tiền ngày 06/01/2020 do bà Y viết và ký. Bà Y đã trả 25.000.000đồng tiền nợ gốc cho bà H nhưng không ký giấy tờ. Bà Y đồng ý trả tiền nợ gốc, về tiền lãi yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Đối với giấy vay tiền 300.000.000đồng ngày 12/11/2021 do bà Y viết và ký. Bà Y chỉ vay tiền gốc 80.000.000đồng, sau đó bà H tính tiền lãi cộng gộp vào yêu cầu bà Y ký nhận nợ cả gốc và lãi. Bà Y không có chứng cứ để chứng minh nội dung này. Bà Y chỉ đồng ý trả 200.000.000đồng trong giấy vay này. Số tiền còn lại 100.000.000đồng không chấp nhận trả. Về tiền lãi, bà Y yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay. Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 3, xã Ea Pil, huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bị đơn thừa nhận tự mình viết và ký giấy vay tiền ngày 06/01/2020 và ngày 12/11/2021, việc ký giấy vay tiền là tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, giấy vay tiền ngày 06/01/2020 và ngày 12/11/2021 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Bị đơn trình bày đã trả hết 25.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay ngày 06/01/2020 và chỉ vay số tiền gốc 80.000.000đồng, số tiền còn lại trong giấy vay ngày 12/11/2021 là tiền lãi cộng vào nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, do đó HĐXX không có cơ sở để xem xét. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 25.000.000đồng giấy vay tiền ngày 06/01/2020 và 300.000.000đồng theo giấy vay ngày 12/11/2021.

Về lãi suất, theo 02 giấy vay tiền và lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn vay nguyên đơn có lãi trong hạn. Nguyên đơn có yêu cầu trả lãi. HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 466 BLDS cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian vay và thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Về mức lãi suất: Theo vay tiền ngày 06/01/2020 ghi lãi suất trong hạn 3.000đồng/triệu/ngày; giấy vay tiền ngày 12/11/2021 ghi lãi trong hạn 7.000.000đồng/ 300.000.000đồng/tháng là vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 20%/năm (tức 1,66%/tháng) nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, mức lãi suất vượt quá quy định không có hiệu lực.

Về thời hạn tính lãi: Theo giấy vay tiền ngày 12/11/2021, thì tiền lãi của khoản tiền 300.000.000đồng tính lãi từ ngày 01/4/2021, theo nguyên đơn thì khoản vay này vay từ ngày 01/4/2021 nên bị đơn mới tự viết thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2021, thời hạn tính lãi là có cơ sở nên HĐXX cần chấp nhận.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng trên tiền nợ gốctương ứng với thời gian vay và thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS nên HĐXX cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả tiền lãi cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc 25.000.000đồng theo giấy vay ngày 06/01/2020,tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày khởi kiện là 16.600.000đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc 300.000.000đồng theo giấy vay tiền ký ngày 12/11/2021, thời gian tính lãi từ ngày vay 01/4/2021 đến ngày khởi kiện là 124.500.000đồng.

Như vậy tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 466.100.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn 466.100.000đồng = 20.000.000đồng + (4% x 66.100.000đồng)= 22.644.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Y phải trả cho bà H tổng cộng 466.100.000đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng*). Trong đó: 25.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 06/01/2020 và tiền lãi 16.600.000đồng; 300.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 12/11/2021 và tiền lãi 124.500.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn Nguyễn Thị Y phải chịu 22.644.000đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà H 11.339.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2022/0000590 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7avà Điều 9 Luật*

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.